

Tuyển chọn các bài phân tích Cảm xúc mùa thu chọn lọc nhất được bài viết tổng hợp một cách đầy đủ. Giúp các em học sinh trau dồi kiến thức và biết cách làm dạng văn phân tích để áp dụng trong bài Thu hứng của Đỗ Phủ. Tham khảo chi tiết dưới đây.

Dàn ý phân tích Thu hứng

1. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả, đề tài quen thuộc của ông và sự ảnh hưởng của ông đối với nền văn học nước nhà:
- Đỗ Phủ (712-770). Ông có hàng ngàn bài thơ phong phú, sâu sắc, chủ yếu viết về sự ảnh hưởng của thời đại lên đời sống người dân và chính bản thân mình.
- Giới thiệu bài thơ “Cảm xúc mùa thu”, nêu nội dung chính của bài.
- Cảm xúc mùa thu’ vừa là bức tranh thu ảm đạm, hắt hiu, vừa là bức tranh tâm trạng u sầu trĩu nặng của nhà thơ trong lúc đất nước đang rối ren, loạn lạc.

2. Thân bài

* Bài thơ chia làm hai phần:

- Bốn câu thơ đầu tác giả tả cảnh mùa thu ảm đạm, hắt hiu.

- “Phong” người ta liên tưởng đến mùa thu vì mỗi đợt thu về rừng phong lại đổ úa thể hiện sự li biệt, buồn thương.
- Sương móc trắng xóa, dày đặc làm xơ xác cả rừng phong càng hiện vẻ tiêu điều, lạnh giá.

- “Vu sơn, Vu giáp” chính là hẻm Vu hiểm trở, hùng vĩ vách dựng đứng nên ánh mặt trời khó lọt xuống lòng sông.
- Qua hai câu đầu về cảnh núi rừng mùa thu, sự tiêu điều, hiu hắt, bi thương lan tỏa khắp không gian khác hoàn toàn cảnh thu trong thơ ca truyền thống.

- Hai câu thơ tiếp

- Hình ảnh đối lập: sóng vọt lên tận lưng trời, rồi mây sa sầm xuống mặt đất, từ thấp lên cao rồi từ cao xuống thấp.
- Cảnh thu chuyển động dữ dội tạo nên bức tranh thu vừa hùng vĩ vừa bi tráng.

- Bốn câu thơ tả cảnh cụ thể đặt cạnh nhau làm toát lên bức tranh thu rộng lớn vừa tiêu điều hiu hắt, vừa dữ dội, hùng vĩ.

- Bốn câu thơ sau nói lên nỗi nhớ quê nhà và nỗi niềm dân nước.

- Cúc là loài hoa của mùa thu, biểu tượng niềm vui và vẻ đẹp vậy mà nhìn nó lại nhỏ lệ, gợi một nỗi buồn sâu lắng của nhà thơ, nhìn hoa cúc nhớ về những mùa thu ở quê hương.
- Chữ “lệ” trong bài thơ rất khó phân biệt lệ của người hay của hoa.
- “Cô chu” con thuyền cô độc, khi nhìn thấy con thuyền nỗi lòng tác giả càng dâng trào, càng nhớ quê da diết.
- Hình ảnh con thuyền trôi nổi, lưu lạc, là phương tiện duy nhất nhà thơ gửi gắm ước nguyện về quê, “hệ cố viên tâm” rất đặc biệt như buộc chặt nỗi lòng con người với quê nhà nhờ con thuyền trôi về quê hương.
- Cảnh mọi người giặt áo cũ âm thanh tiếng chày đập vải nhộn nhịp trên sông để chuẩn bị cho mùa đông tới.

- Sử dụng không gian dài, rộng, vừa cao, sâu, thấp lên cao và từ cao xuống thấp và những phép ẩn dụ đặc sắc, đối xứng chặt chẽ. Bút pháp tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ cảm xúc, dùng quá khứ nói hiện tại.

3. Kết bài

Bài thơ “Cảm xúc mùa thu” là bài thơ rất hay và ý nghĩa. Bài thơ là nỗi lòng nhớ quê của tác giả khi phải xa quê trong lúc loạn lạc. Bài thơ như nhắc nhở chúng ta yêu quê hương mình và trân trọng nơi chúng ta đã sinh ra.

Phân tích Cảm xúc mùa thu - Mẫu 1

Đỗ Phủ (712 – 770) tên chữ là Tử Mĩ, hiệu là Thiệu Lăng, người huyện Củng, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời. Thừa trử Đỗ Phủ cũng đi thi nhưng không đỗ. Suốt cuộc đời, ông sống trong cảnh đói nghèo và bệnh tật. Tuy vậy, ngọn lửa đam mê văn chương trong lòng ông không bao giờ tắt. Ông sáng tác rất nhiều và để lại cho đời hàng ngàn bài thơ có nội dung phong phú, sâu sắc, phản ánh sinh động những sự kiện lịch sử thời ông đang sống và chan chứa lòng yêu nước thương đời. Với những đóng góp to lớn cho nền thi ca Trung Quốc nói riêng và nền văn hóa nhân loại nói chung, Đỗ Phủ đã được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.

Bên cạnh những bài thơ được coi là "thi sử" (lịch sử bằng thơ), Đỗ Phủ còn sáng tác nhiều bài thơ trữ tình thể hiện cảm xúc chân thành của mình trước thiên nhiên, con người và cuộc đời. Trong những bài thơ đặc sắc có bài Thu hứng (Cảm xúc mùa thu). Đây là bài thơ thứ nhất trong chùm thơ tám bài được Đỗ Phủ sáng tác năm 766, khi đang sống phiêu bạt ở Quý Châu.. Tứ Xuyên là vùng núi non hùng vĩ, hiểm trở, cách xa quê hương nhà thơ mấy ngàn dặm. Sau mười một năm kể từ khi bùng nổ loạn An Lộc Sơn, tuy loạn đã dẹp xong nhưng đất nước kiệt quệ vì

chiến tranh và nhà thơ vẫn phải lưu lạc ở quê người. Hoàn cảnh ấy đã khơi gợi cảm xúc bi thương là cảm xúc chủ đạo của Thu hứng.

Bài thơ có thể chia làm hai phần: Bốn câu thơ đầu (đề, thực) là bức tranh vẽ thiên nhiên mùa thu ở vùng rừng núi thượng nguồn Trường Giang. Bốn câu sau chủ yếu thể hiện cảm hứng của thi nhân trước cảnh thu về trên đất khách.

Ở cặp câu thứ nhất, chỉ với vài nét chấm phá, tác giả đã thể hiện được cái thần của một chiều thu ở Quý Châu:

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,

Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm,

(Lác đặc rừng phong hạt móc sa,

Ngàn non hiu hắt, khi thu lòa)

Người đọc có thể nhận thấy Đỗ Phủ đứng ở vị trí tương đối cao để ngắm nhìn toàn cảnh, vì thế mà tầm nhìn của ông khá xa, khá rộng. Khả năng quan sát tinh tế của Đỗ Phủ thể hiện ngay từ câu thơ đầu tả cảnh rừng phong: Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm (Lác đặc rừng phong hạt móc sa). Trong thơ cổ Trung Hoa, hình ảnh rừng phong gắn liền với mùa thu bởi mỗi độ thu về, có rừng phong chuyển sang màu đỏ ủa, tượng trưng cho sự li biệt. Sương trắng cũng tượng trưng cho mùa thu, cho sự lạnh lẽo. Sương móc sa dày đặc làm xơ xác cả rừng phong. Nét tiêu điều của cảnh vật hiện lên rất rõ qua cái nhìn đầy tâm trạng của nhà thơ.

Câu thứ hai: Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm. Nhắc đến Vu sơn, Vu giáp là người đọc nghĩ ngay tới hình ảnh đặc trưng của đất Ba Thục xưa kia. Toàn cảnh bao trùm trong hơi thu hiu hắt. Trong bản dịch, từ lòa cùng với từ hiu hắt chỉ lột tả được một phần ý nghĩa của cụm từ khí tiêu sâm (tối tăm, ảm đạm). Chữ ngàn non thay thế cho Vu sơn, Vu giáp khiến bản dịch dễ hiểu song lại làm mờ nhạt bản sắc của

phong cảnh Quý Châu. Vu sơn, Vu giáp tức là núi Vu, hẻm Vũ nổi tiếng hiểm trở và hùng vĩ. Được nhắc đến nhiều trong thần thoại, cổ tích và thơ ca Trung Quốc. Suốt cả chiều dài bảy trăm dặm, núi tiếp núi dọc đôi bờ sông, tuyệt không có một chỗ trống. Quanh năm, mây mù bao phủ những ngọn núi cao vút. Vách núi dựng đứng nên ánh mặt trời khó lọt được xuống tới lòng sông. Vào mùa thu, khung cảnh nơi đây vốn âm đạm, lạnh lẽo, qua ngòi bút miêu tả thấm đẫm tâm trạng li sầu của Đỗ Phủ lại càng thêm tối tăm, âm đạm.

Hai câu thơ mở đầu, câu thứ nhất tả cảnh thu ở rừng phong, câu thứ hai tả cảnh thu ở núi non. Tuy cảnh vật khác nhau nhưng nhà thơ nhìn chúng với con mắt và tâm trạng giống nhau: trĩu nặng một nỗi buồn thương.

Vẫn tiếp tục quan sát thiên nhiên với tâm trạng như thế nên Đỗ Phủ đã viết nên những câu thơ tả thực đầy ám ảnh như có ma lực cuốn hút hồn người:

Giang gian ba lǎng kiēm thiên dǐng,

Tái thượng phong vân tiếp địa âm.

(Lung trời sóng gợn lòng sông thẳm,

Mặt đất mây đùn cửa ải xa).

Ở hai câu đề là cảnh thu trên cao (rừng phong, dãy núi), đến hai câu thực là cảnh thu dưới thấp, vẫn là những chi tiết được cảm nhận qua đôi mắt thi nhân và được miêu tả bằng ngọn bút kì tài mà thành những vần thơ trác tuyệt. Sông ở thượng nguồn thương hợp, nhiều ghềnh thác, nước chảy rất xiết. Vì thế nên mới có cảnh giữa lòng sông, sóng dữ dội vọt lên đến tận lưng trời. Trong câu thơ dịch: Lung trời sóng gợn lòng sông thẳm, các tính từ rợn, thẳm đặc tả sự hùng vĩ hiểm có của vùng sông nước nơi đây và thể hiện cảm giác choáng ngợp của con người nhỏ bé trước thiên nhiên hùng vĩ. Hình ảnh: Mặt đất mây đùn cửa ải xa tả thực cảnh mây

trắng sà xuống thấp đến mức tưởng chừng như đùn từ dưới mặt đất lên, che lấp cả cửa ải phía xa xa.

Nếu ở hai câu trên, cảnh sắc nhuốm màu bi thương tàn tạ thì ở đây cảnh sắc lại có phần vừa hoành tráng vừa dữ dội. Hai cặp câu như bổ sung cho nhau lột tả được hai nét đặc sắc của phong cảnh vùng Vu sơn Vu giáp vừa âm u, vừa hùng vĩ.

Bốn câu thơ, mỗi câu tả một cảnh thu cụ thể, đặt cạnh nhau tạo thành một bức tranh mùa thu rộng lớn, hiển hiện rõ ràng cái hồn đặc trưng của mùa thu chốn núi non với đủ cả rừng phong, dãy núi, bầu trời, lòng sông, mặt đất, mây mù, cửa ải xa... Sức khơi gợi, liên tưởng của bức tranh thu ấy trong tâm hồn người đọc là vô biên, vô tận. Tuy tác giả chưa nhắc tới cảnh đời điêu linh nhưng hình như nó đã thấp thoáng ẩn hiện sau hình ảnh những cánh rừng phong xơ xác vì sương gió, hình ảnh đất trời đảo lộn trên sóng nước Trường Giang và mây xám mịt mù vùng quan ải. Đứng trước khung cảnh ấy, một nhà thơ có trái tim nhạy cảm như Đỗ Phủ làm sao lại không nhớ thương quê cũ đến cháy lòng!

Ở bốn câu thơ sau, Đỗ Phủ bày tỏ lòng mình trước cảnh mùa thu nơi đất khách. Câu năm và câu sáu có nghệ thuật đối rất Chính vừa là cảnh thu mà cũng là tình thu:

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,

Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

(Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,

Con thuyền buộc chặt mối tình nhà)

Đây là hai câu hay nhất trong bài thơ chữ Hán của Đỗ Phủ cũng như trong bản dịch của Nguyễn Công Trứ.

Giống như hình ảnh rừng phong gắn liền với mùa thu, hình ảnh hoa cúc cũng đi đôi với mùa thu. Đỗ Phủ nhắc đến hoa cúc, điều đó không có gì mới. Điều quan trọng là mỗi lần thấy cúc nở hoa nhà thơ lại rơi lệ. Câu thơ nguyên văn chữ Hán; Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ (Khóm cúc nở hoa đã hai lần, làm tuôn rơi nước mắt ngày trước). Nguyễn Công Trứ dịch thoát ý là: Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ cũng rất hay, giúp người đọc hình dung ra tâm trạng cô đơn chất chứa sâu thương của Đỗ Phủ trong những tháng năm phiêu bạt, xạ quê hương sâu nặng nghĩa tình. Hai lần nhìn cúc nở hoa, có nghĩa là đã hai năm Đỗ Phủ sống ở Quý Châu. Hoa cúc xui lòng thi nhân ngậm ngùi nhớ lại những mùa thu trước chôn quê cũ, vì vậy mà càng thêm xao xuyến, xúc động đến nghẹn ngào.

Hoa cúc là yếu tố gợi nhớ, hình ảnh con thuyền càng làm cho nỗi nhớ nhà, nhớ quê trào dâng trong lòng tác giả: Cô chu nhất hệ cố viên tâm. (Con thuyền lẻ loi buộc mãi tấm lòng nhớ thương nơi vườn cũ). Câu thơ dịch bỏ mất tính từ cô trong Cô chu chứa chất đầy tâm, trạng của Đỗ Phủ nơi đất khách. Chiếc thuyền lẻ loi (cô chu) là một ẩn dụ đầy ý nghĩa không chỉ vì tính chất trôi nổi, đơn độc của nó mà còn vì nó là phương tiện duy nhất để chở ước vọng của nhà thơ về với quê hương trong tâm tưởng.

*Hàn y xú xú thối đao xích,
Bạch Đé thành cao cấp mộ châm.*

*(Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà).*

Ở hai câu cuối bỗng đột ngột nổi lên âm thanh dồn dập của tiếng chày đập vải trên bến sông, trong bóng hoàng hôn. Âm thanh duy nhất này đem đến cho bức tranh sinh hoạt nơi biên ải xa xôi một thoáng vui nhưng thoáng vui ấy không đủ để xua đi những áng mây buồn đang vây phủ trong tâm hồn thi sĩ.

Khí thu lạnh lẽo như nhắc nhở mọi người rằng mùa đông sắp đến, phải chuẩn bị nhanh nhanh cho việc may áo ấm. Hãy đọc lại câu thơ thứ tư: Tái thượng phong vân tiếp địa âm. (Trên cửa ải, mây sa xuống giáp mặt đất âm u). Lúc này, Loạn An Lộc Sơn đã dẹp xong nhưng đất nước chưa yên, chồng con của bao người còn trấn giữ nơi ải xa, nỗi lo còn đó. Trời tối rồi (mộ), không nhìn thấy gì nữa, nhà thơ chỉ nghe thấy tiếng chày đập vải và chạnh lòng nghĩ tới những người lính thú nơi quan ải. Âm thanh của mùa thu may áo vừa kết thúc bài thơ, vừa mở ra nỗi buồn nhớ mệnh mang... "Ngôn tận nhi ý bất tận" (lời hết mà ý không hết). Đỗ Phủ cảm thấy Không lời lẽ nào có thể nói hết nỗi niềm Thu hứng.

Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ là kết cấu hết sức chặt chẽ câu nào cũng bám chặt chủ đề, tức là đều thể hiện được hai yếu tố "cảm xúc" và "mùa thu", vừa tả cảnh vừa chất chứa tâm trạng. Cảnh có sương thu, rừng thu, sắc thu, khí thu, gió thu, sông thu, hoa thu, tiếng thu (tiếng Chày đập vải). Tác giả thu tóm cả thần thái của mùa thu trong bài thơ. Đó là một chiều thu cụ thể ở vùng đất Quý Châu trong giai đoạn suy vong của triều đình phong kiến đương thời. Chiến tranh xảy ra liên miên đã đẩy Đỗ Phủ phiêu bạt về tận góc trời xa thẳm. Ngày đêm, ông chi còn ôm ấp một hi vọng mong manh là được trở về quê cũ. Hẳn ước mơ của Đỗ Phủ cũng là ước mơ của bao người dân nghèo khổ lưu vong. Bởi vậy, bài thơ tuy không miêu tả trực tiếp tình hình xã hội nhưng vẫn có ý nghĩa hiện thực sâu sắc và chan chứa tình đời.

Ở trong bài thơ, các mối quan hệ giữa xa và gần, giữa không gian và thời gian, giữa thị giác và thính giác, giữa thu hứng có sự liên kết chặt chẽ. Sự vận hành của tứ thơ rất logic: từ xa đến gần, từ không gian mà cảm nhận thời gian, từ ngoại cảnh thể hiện nội tâm. Hàm ẩn trong mỗi câu, mỗi chữ là tâm hồn đau đáu nỗi thương đời, thương người của Đỗ Phủ.

Cảm xúc mùa thu là bài thơ mang đậm dấu ấn phong cách thơ trữ tình của Đỗ Phủ. Thu hứng đạt dào xuất phát từ rung động mãnh liệt của trái tim nhà thơ đã được thể hiện đầy đủ qua ngọn bút thần tình. Với Đỗ Phủ, mùa thu đồng nghĩa với nỗi buồn và niềm thương nhớ không nguôi, nhất là khi ông đang phải sống trong cảnh nghèo khổ, bệnh tật, cô đơn nơi xứ lạ. Cùng với một số bài thơ nổi tiếng khác như Đăng cao, Mao ốc thu phong vị sở phá ca... được lưu truyền rộng rãi qua hàng ngàn năm, Thu hứng góp phần khẳng định tài năng kiệt xuất của Đỗ Phủ. Ông xứng đáng được người đời tôn vinh là bậc "Thi thánh" của thơ? Thịnh Đường mà tên tuổi lưu danh muôn thuở.

Phân tích bài Cảm xúc mùa thu - Mẫu 2

Đỗ Phủ là nhà thơ lỗi lạc có nhiều đóng góp lớn cho thi ca Trung Quốc, ông là một thi sĩ tiêu biểu, với số lượng tác phẩm để lại không hề nhỏ. Tấm lòng lương thiện, nhạy cảm với cuộc sống với đời, những bài thơ ông viết ra, đều mang tư tưởng yêu nước, hay còn gọi là "yêu nước thương đời" đồng thời phản ánh chân thực thời đại mà ông đang sống. Với tâm hồn nghệ sĩ, những phút xao lòng với những đổi thay của đất trời, của thời tiết cũng khiến cho những câu từ trong chính tâm hồn in đậm lên trang giấy. Thu Hứng hay còn gọi là "Cảm hứng mùa thu" là một trong những bài thơ hay, tiêu biểu cho hồn thơ của Đỗ Phủ.

Đề tài về thiên nhiên đặc biệt là sự thay đổi của không gian của đất trời khiến cho các thi sĩ không ít khi nao lòng. Mùa thu là mùa mà khiến cho tâm hồn con người ta trở nên lãng mạn, thả hồn theo gió, ta cũng thấy một thứ gì đó vừa man mát lại vừa thấm đượm mùi vị đất trời chênh vênh. Cảm hứng mùa thu là bức tranh mùa thu hắt hiu, mang nặng tâm trạng tu sầu của tác giả trong lúc đất nước lâm vào cảnh rối ren, nỗi thương nhớ quê hương dâng lên nghẹn ngào, và buồn thương cho thân phận mình nơi đất khách quê người..

*Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba làng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.*

Sau khi được phiên âm, bài thơ "Cảm hứng mùa thu" lại dễ dàng đi sâu vào lòng người đọc. Những cảnh vật hiện ra trong bài thơ nối tiếp nhau, nhưng bị bao phủ bởi một nỗi buồn khôn tả. Cùng với những vần thơ mềm mại mà thấm đượm, Nguyễn Công Trứ đã mang "cảm hứng mùa thu" lại gần hơn, đặc biệt thể hiện được cả những điều mà Đỗ Phủ đã gửi gắm

Lác đác rừng phong hạt móc sa,

.....

Thành Bạch, chày vang bóng ác tà.

(Nguyễn Công Trứ dịch)

Có thể thấy rõ được, trong bài thơ, bốn câu đầu là "câu đề" với mục đích miêu tả bức tranh thiên nhiên bao la nhưng buồn hiu hắt ở vùng rừng núi thượng nguồn Trường Giang.

Ở cặp câu thứ nhất, chỉ với vài nét chấm phá, tác giả đã phác thảo ra được cái thần chiều thu ở Quý Châu:

*Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm,*

*(Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt, khi thu lò)*

Có thể thấy được hoặc cũng có thể cảm nhận được, tác giả đang đứng ở vị trí cao để quan sát được toàn cảnh ở nơi đây. Mọi thứ được miêu tả không những theo chiều sâu và còn theo tầm mắt của tác giả, nhìn về phía xa xăm. Hiện ra đầu tiên là hình ảnh rừng phong với sương móc còn phủ trên chúng, tạo ra cảnh tượng buồn, đặc biệt rừng phong lại càng nhấn mạnh thêm sự li biệt khi lá phong chuyển sang đỏ, khi mùa thu đến. Những dấu hiệu như rừng phong hay những hạt sương, dưới con mắt của tác giả, cũng phần nào cho người đọc thấy được mùa thu đang đến gần. Hai câu thơ mở đầu tuy là đều rừng núi nhưng lại chung một điểm, đó chính là nỗi buồn đang dần ngấm vào tác giả, nỗi buồn ấy chế ngự cả tâm trạng và cảm xúc của tác giả khi đặt bút ngâm thơ. Với tâm trạng như vậy, Đỗ Phủ biết những vần thơ tiếp theo:

*Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.*

*(Lung trời sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa).*

Nếu như ở hai câu mở đầu là hình ảnh của rừng phong, là sự quan sát từ trên cao xuống thì 2 câu tiếp theo lại miêu tả cảnh sắc vừa hoành tráng lại dữ dội. Nó như muốn lột cả cảnh rừng núi Vu Sơn Vu Giáp vừa tráng lệ nhưng cũng bí hiểm âm u. Bốn câu thơ, nhưng ở mỗi câu là một nét chấm phá, là sự nhìn nhận toàn cảnh chứ không tập trung vào một điểm cụ thể nào. Cảnh sắc trời mây non nước, rừng núi hiện ra vừa cụ thể lại vừa đặc trưng cho mùa thu. Nhưng chính hình ảnh này, lại khiến tác giả nhớ tới quê hương tới nao lòng.

Ở bốn câu thơ sau, Đỗ Phủ bày tỏ lòng mình trước cảnh mùa thu nơi đất khách. Với nghệ thuật đối được sử dụng ở câu năm câu sáu, lại khiến tâm trạng của tác giả dâng lên:

*"Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.*

*(Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà).*

*Hàn y xú xú thôi đao xích,
Bạch Đé thành cao cấp mộ châm.*

*(Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà).*

Bốn câu cuối tập trung vào miêu tả cảm xúc cũng là những vần thơ chứa đựng nhiều tình cảm, đó là lòng mong ngóng quê nhà, nỗi khát khao được trở về quê hương, tình yêu và sự buồn bã khi phải sống tha phương. Hình ảnh hoa cúc là hình ảnh đặc trưng cho mùa thu, cũng là hình ảnh mà tác giả phải rơi lệ khi nhìn thấy, nhớ tới mùa thu ở quê hương mình. Những hình ảnh được sử dụng như con thuyền (cô chu) là một con thuyền đơn độc, nhưng là con thuyền hy vọng mang tác giả về quê hương của mình. Ở cuối bỗng đột ngột âm thanh dồn dập của tiếng chày đập vải trên bến sông, trong hoàng hôn. Âm thanh duy nhất ấy đã đến cho bức tranh sinh hoạt nơi biên ải xa xôi một thoáng vui nhưng nó chẳng thể đủ để xua đi những áng mây buồn đang bủa vây tâm hồn thi sĩ, với những nét chấm phá mạnh mẽ trong tác phẩm cùng với lấy trọng tâm chính là tả cảnh và bộc lộ cảm xúc, những vần thơ trở nên có hồn và làm rung lên sợi dây tình cảm của độc giả.

Qua bài thơ "Cảm hứng mùa thu", ta thấy được một tâm hồn thi sĩ vừa nhạy cảm lại rung động mãnh liệt với cảnh sắc. Trái tim Đỗ Phủ đã dành trọn cho quê hương, cũng qua bài thơ, cái tư tưởng "yêu nước thương đời" lại càng thể hiện rõ.

Những vần thơ của ông có sức lay động mãnh liệt, đặc biệt những vần thơ như bật lên khỏi trang giấy, mở ra một khung cảnh rất rõ.. "cảm xúc mùa thu" đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc khẳng định tài năng của ông, cũng như là một bài thơ tiêu biểu về mùa thu của thi ca Trung Quốc.



Tham khảo thêm:

- [Văn mẫu lớp 10 Cảm nghĩ bài thơ Cảm xúc mùa thu của Đỗ Phủ](#)
- [Soạn bài Cảm xúc mùa thu Ngữ Văn 10 chi tiết](#)

Phân tích Thu hứng - Mẫu 3

Thơ Đường vốn nghiêm ngặt về niêm, luật, bố cục. Song những quy luật khắt khe ấy không hề trói buộc các bậc thánh thi như Đỗ Phủ. Dưới ngòi bút thi nhân, bài thơ vừa tuân thủ niêm luật chặt chẽ lại vừa bay bổng tự do, tạo nên vẻ đẹp đa dạng

giống như vẻ đẹp của viên ngọc được soi rọi từ nhiều phía khác nhau. Bài Thu hứng không nằm ngoài đặc điểm trên

Xét theo nội dung miêu tả chung, bài Thu hứng lại có bố cục hai phần rõ rệt: bốn câu đầu tả cảnh, cảnh núi sông của vùng Quỳ Châu, thượng nguồn Trường Giang, nơi Đỗ Phủ lưu lạc tới vì chạy giặc An Lộc Sơn. Bốn câu dưới là tả tính, tình của kẻ lữ thứ tha hương. Cảnh ấy và tình này tạo nên sự thống nhất của bài thơ.

Bốn câu đầu bài thơ tả cảnh mùa thu. Trước tiên đây là cảnh mùa thu của một nơi xác định. Người ta biết đây là tả cảnh vùng Quỳ Châu thuộc thượng nguồn sông Trường Giang không chỉ ở địa danh Vu Sơn, Vu Giáp, được nhắc tới ở câu thứ hai mà chính là ở cảnh vật đặc trưng do vùng này được miêu tả trong bài thơ. Đó là cảnh rừng phong phủ sương móc trắng, là cảnh kẽm Vu vách núi dựng đứng khi trời mù mịt, là núi Vu cao vút hiểm trở.

Cả một bức tranh phong cảnh hùng vĩ mà âm u hiện ra qua ngòi bút Đỗ Phủ. Bức tranh này có lớp lang chặt chẽ, hiện dần theo bước chân người. Thoạt đầu là cảnh rừng phong trắng sương mù. Vượt qua cánh rừng này, Vu Sơn, Vu Giáp hiện ra qua một nét phác họa chung ở câu thơ thứ hai. Câu thứ ba, thứ tư đặc tả hai cảnh tiêu biểu nhất của núi Vu, kẽm Vu. Như vậy, bức tranh có toàn cảnh và cận cảnh, có bao quát và chi tiết, chứng tỏ một ngòi bút miêu tả điêu luyện, linh hoạt.

Cái thần của bức tranh chính là cảm xúc tác giả gửi trong từng nét vẽ lan tỏa vào lòng người đọc. Câu thơ thứ nhất bảy chữ, có hai chi tiết miêu tả, chi tiết nào cũng gợi nỗi buồn, từ cái lạnh lẽo của màu trắng xóa sương móc bao phủ khắp nơi, từ cái tang thương của rừng phong tiêu điều. Còn cái hiu hắt của hơi thu ở câu thứ hai càng làm tôn lên nỗi buồn bàng bạc thấm đượm trong câu trên.

Hai câu thơ, ba miêu tả chi tiết: nỗi buồn ngày càng rộng, càng sâu khiến cho cảnh vật hùng vĩ mà buồn bã, bí hiểm mà u hoài. Tới hai câu ba bốn, cảnh vật vừa có sự nhất quán với hai câu trên, vừa có sự phát triển. Trong khi đặc tả núi Vu, kẽm Vu, mỗi nơi tác giả tả một chi tiết nhưng cảnh vật sống động hẳn lên. Sóng thì ba lãng kiêu thiên dũng (vọt lên tận lưng trời), vừa vẽ lên chiều cao thăm thẳm của kẽm Vu, vừa tạo sự chuyển động dữ dội, mạnh mẽ.

Cảnh đám mây "sa sầm giáp mặt đất" không chỉ tả được cái độ cao của cửa ải trên núi Vu còn vẽ được sự giập dũ của mây, núi. Sông và trời, mây và núi không còn trong trạng thái tĩnh tại, u hoài như cảnh vật hai câu thơ trên mà đang chuyển động với một nội lực lớn lao, tạo nên vẻ đẹp hoành tráng cho bức tranh. Cả hai cảnh đó bổ sung cho nhau, tạo nên sự thống nhất đa dạng của cảm xúc toát ra từ bức tranh: trầm uất và bi tráng. Đó cũng là phong cách thơ Đỗ Phủ ở giai đoạn cuối đời.

Đứng trước cảnh sắc ấy, một người giàu tình cảm như Đỗ Phủ làm sao không nhớ quê được? Chính từ sự vận động nội tại đó, bốn câu thơ sau xuất hiện thật tự nhiên, hợp lẽ. Bốn câu thơ sau tả tình nhưng không xa rời cảnh, tình và cảnh quán quýt với nhau. Hai câu thơ 5, 6 biểu hiện sinh động lòng nhớ quê với nhiều thủ pháp sinh động, Trong bảy chữ của câu 5, tình và cảnh như thống nhất: hoa cúc nở mà trông như cành hoa bằng nước mắt hư ảo, chập chờn, hiện tại và quá khứ như nối liền: "giọt lệ ngày trước" bỗng rơi cùng giọt lệ hôm nay.

Cái trực nối liền ấy tạo ra sự đồng nhất ấy là hai chữ lưỡng khai với nhiều nghĩa hàm ẩn, làm cho hình ảnh cúc và lệ trở nên đa nghĩa, Hình ảnh con thuyền trong câu 6 cũng được tạo nên cùng một cảnh như hình ảnh ở câu 5. Chữ cố cũng tạo nên nghĩa hàm ẩn: vừa là buộc con thuyền lẻ loi nơi nhà thơ đang sống ở lại nơi đây, vừa có nghĩa là thắt lại, gói lại nỗi lòng thương nhớ quê.

Những cảm xúc dồn dập được tả trong câu 5, 6 tưởng như sẽ được tả trực tiếp và nâng cao hơn ở hai câu kết. Nhưng đến đây bài thơ bỗng từ tả tình chuyển sang tả cảnh sinh hoạt đời thường. Cảnh mọi người rộn rịp may áo rét, giặt giũ áo cũ. Tưởng như hai cảnh này không ăn nhập với tình kia, tưởng như ý bài thơ bị lạc. Song không phải như vậy. Đây là một thủ pháp dồn nén tình cảm vào bên trong hình ảnh để cho lời thơ, ý thơ thêm sâu sắc, có sức rung động mạnh hơn ở người đọc.

Âm thanh đập áo vốn là một âm thanh có sức gợi cảm lớn trong thơ cổ Trung Quốc, gợi nhớ tới người thân đi xa, diễn tả một nỗi lòng nhớ thương, chờ đợi. Bạch Cư Dị đã tả nỗi lòng của người thiếu phụ, đêm tháng tám, tháng chín nghe tiếng chày đập lụa mà "sáng ra e bạc cả đầu". Cho nên sự xuất hiện tiếng chày trong bóng chiều tà tạo nên một dư âm vang vọng cho cả bài thơ.

Nỗi nhớ quê tha thiết của Đỗ Phủ trong một mùa thu tập loạn được bộc lộ trong bài thơ này đâu phải chỉ là tâm trạng của một người. Nó là nỗi lòng của trăm họ đang lâm than vì cảnh chiến tranh, giặc giã liên miên sau loạn An Lộc Sơn đời Đường đang xa lìa quê hương, phiêu bạt nơi góc biển chân trời.

Phân tích bài thơ Cảm xúc mùa thu - Mẫu 4

Nhắc đến Trung Quốc, không ai là không biết đến nhà thơ nổi tiếng Đỗ Phủ (712-770). Ông có hàng ngàn bài thơ phong phú, sâu sắc, chủ yếu viết về sự ảnh hưởng của thời đại lên đời sống người dân và chính bản thân mình. Ông có nhiều tác phẩm kiệt tác, trong số đó có bài thơ "cảm xúc mùa thu" bài thơ thứ nhất trong chùm thơ "thu hứng" năm 766, khi ông cùng gia đình đi chạy nạn ở Quý Châu.

"Cảm xúc mùa thu" vừa là bức tranh thu âm đạm, hắt hiu, vừa là bức tranh tâm trạng u sầu trĩu nặng của nhà thơ trong lúc đất nước đang rối ren, loạn lạc. Bài thơ

chia làm hai phần, bốn câu thơ đầu tác giả tả cảnh mùa thu âm đạm, hắt hiu. Bốn câu thơ sau là tả tình, chính là cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước cảnh mùa thu, nỗi nhớ quê và nỗi niềm dân nước. Hai câu thơ đầu được nhìn trong tầm bao quát rộng và xa:

*Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.*

Tác giả đã đặt điểm nhìn của mình từ rừng núi xuống dòng sông, bao quát theo chiều rộng. Nhắc đến phong người ta liên tưởng đến mùa thu vì mỗi đợt thu về rừng phong lại đỏ ủa thể hiện sự li biệt, buồn thương. Vậy mà sương móc trắng xóa, dày đặc làm xơ xác cả rừng phong càng hiện vẻ tiêu điều, lạnh giá. Nét tiêu điều của cảnh vật hiện lên rõ nét trong mắt của nhà thơ.

Câu thơ thứ hai càng làm nổi lên sự lạnh lẽo "Vu sơn, Vu giáp" chính là hẻm Vu hiềm trở, hùng vĩ vách dựng đứng nên ánh mặt trời khó lọt xuống lòng sông. Vào mùa thu không khí lạnh lẽo âm đạm trong cái nhìn đầy tâm trạng của nhà thơ càng hiu hắt, âm đạm. Qua hai câu đầu về cảnh núi rừng mùa thu, sự tiêu điều, hiu hắt, bi thương lan tỏa khắp không gian khác hoàn toàn cảnh thu trong thơ ca truyền thống. Chính sự đau buồn ấy, Đỗ Phủ viết lên những lời thơ sâu sắc:

*Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tạị thượng phong vân tiếp địa âm.*

Trong hai câu thơ này có hình ảnh đối lập vô cùng thú vị, sóng vọt lên tận lưng trời, rồi mây sa sầm xuống mặt đất, từ thấp lên cao rồi từ cao xuống thấp, sự vận động trái chiều và triệt để. Cảnh thu chuyển động dữ dội tạo nên bức tranh thu vừa hùng vĩ vừa bi tráng. Sự chuyển động chao đảo của cảnh vật, cũng là sự chao đảo xã hội lúc bấy giờ.

Lời thơ là nỗi lòng thương nhớ tuyệt vọng trước thời thế lúc bấy giờ của nhà thơ. Bốn câu thơ tả cảnh cụ thể đặt cạnh nhau làm toát lên bức tranh thu rộng lớn vừa tiêu điều hiu hắt, vừa dữ dội, hùng vĩ. Chính cảnh vật ấy vừa gợi nỗi buồn tê tái, vừa ngầm thể hiện nỗi lo âu của nhà thơ về sự không yên bình nơi biên ải. Cảnh thu ở phần thứ nhất đã khơi gợi cái tình trong lòng nhà thơ. Bốn câu thơ sau nói lên nỗi nhớ quê nhà và nỗi niềm dân nước.

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ

Cố chu nhất hệ cố viên tâm.

Cúc là loài hoa của mùa thu, biểu tượng niềm vui và vẻ đẹp vậy mà nhìn nó lại nhỏ lệ, gợi một nỗi buồn sâu lắng của nhà thơ, nhìn hoa cúc nhớ về những mùa thu ở quê hương mà lòng u sầu, ghen ngào. Chữ " lệ" trong bài thơ rất khó phân biệt lệ của người hay của hoa, tuy nhiên có lẽ nên hiểu: mỗi lần nhìn hoa cúc nở, nhà thơ lại chạnh lòng nhớ về quê hương.

Những giọt nước mắt cũng cứ thế tuôn rơi không ngăn lại được, hình ảnh hoa cúc nở rồi lại nở vừa gợi sự trở đi trở lại của nỗi nhớ quê, vừa gợi ra những dòng lệ chứa chan ân tình của nhà thơ. "Cố chu" con thuyền cô độc, khi nhìn thấy con thuyền nỗi lòng tác giả càng dâng trào, càng nhớ quê da diết.

Hình ảnh con thuyền trôi nổi, lưu lạc, là phương tiện duy nhất nhà thơ gửi gắm ước nguyện về quê, "hệ cố viên tâm" rất đặc biệt như buộc chặt nỗi lòng con người với quê nhà như con thuyền trôi về quê hương. Bằng nghệ thuật ẩn dụ tinh xảo hai câu thơ biểu hiện nỗi nhớ quê một cách sinh động và tha thiết, sâu lắng của nhà thơ. Hai câu cuối âm thanh sinh động được lột tả:

Hàn y xú xú thối đao xích,

Bạch Đé thành cao cấp mộ chân.

Cảnh nhộn nhịp may áo rét, cảnh mọi người giặt áo cũ âm thanh tiếng chày đập vải nhộn nhịp trên sông để chuẩn bị cho mùa đông tới, vẽ lên cuộc sống sinh hoạt vui tươi và nhộn nhịp, vang động, lại càng xoáy sâu vào lòng người nỗi nhớ quê nhà tái, khuôn nguôi, nhớ đến cuộc sống bình yên nơi quê nhà càng mong nhớ quê da diết hơn. Trời tối rồi, nhà thơ không nhìn thấy gì nữa mà chỉ nghe tiếng chày đập vải và chạnh lòng nhớ những người lính nơi quan ải.

Bằng việc sử dụng không gian dài, rộng, vừa cao, sâu, thấp lên cao và từ cao xuống thấp và những phép ẩn dụ đặc sắc, đối xứng chặt chẽ. Cách hay trong bút pháp tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ cảm xúc, dùng quá khứ nói hiện tại. Bài thơ đã miêu tả bức tranh thiên nhiên hùng vĩ mà hiu hắt, sôi động mà nhạt nhòa trong sương khói mùa thu, đồng thời hiện diện một tâm trạng buồn, xót xa với nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.

Bài thơ "Cảm xúc mùa thu" là bài thơ rất hay và ý nghĩa. Bài thơ là nỗi lòng nhớ quê của tác giả khi phải xa quê trong lúc loạn lạc. Bài thơ như nhắc nhở chúng ta yêu quê hương mình và trân trọng nơi chúng ta đã sinh ra.



Phân tích Cảm xúc mùa thu - Mẫu 5

Cuộc đời Đỗ Phủ trải qua nhiều giai đoạn khác nhau: những năm ngao du vô tư thoả mái thời trai trẻ, những năm gia đình sa sút phải ăn chực năm chờ sau những lần thi hỏng ở thủ đô Trường An, những năm bị ném vào dòng nước xoáy của thời đại trong chiến loạn An – Sử (755 – 763), những năm sống trôi dạt cuối đời ở các tỉnh thuộc vùng tây nam của đất nước.

Khi chiến loạn vừa kết thúc, Đỗ Phủ đã có ý định xuôi sông Trường Giang về đồng để tìm đường về quê ở phía bắc.

Năm 765, Đỗ Phủ rời Thành Đô – thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên, đưa gia đình phiêu bạt qua một số nơi rồi về tạm trú ngụ ở Quý Châu. Chùm thơ Cảm xúc mùa thu nổi tiếng gồm tám bài được sáng tác tại đây năm 766, chỉ bốn năm trước khi nhà thơ qua đời.

Chùm thơ là một chỉnh thể trong đó Cảm xúc mùa thu số 1, bài được chọn giảng, là “cương lĩnh sáng tác” của cả chùm thơ. Nhà phê bình nổi tiếng Kim Thánh Thán đã nhận xét về tính chất chặt chẽ của bố cục chùm thơ và vị trí cao của bài Cảm xúc mùa thu số 1 như sau: “Bảo là liền thì mỗi bài đứt, bảo là đứt thì mỗi bài liền. Đổi vị trí một bài không được, thêm bớt một bài không được...”

Tất cả thơ này lấy bài thứ nhất làm đề cương, bởi vì bài ấy nói đến cái cảnh tiên sinh đường sống lúc bấy giờ. Đó chính là mùa thu tại Tây các (gác phía tây) phủ Quý, nhân thu mà khởi hứng. Câu đầu bảy thiên sâu nhất nhất đều do đó mà ra như áo chìm có cổ, như bông hoa có cuống, như hiệu lệnh của mười vạn binh phát xuất tự nơi trung quân”.

Quả chỉ có thể thấy được một cách thật đầy đủ ý nghĩa và vẻ đẹp của bài Cảm xúc mùa thu số 1 khi đặt nó trong cả chùm thơ; tuy nhiên, vì đó là bài có tính chất “đề

cương”, “cương lĩnh”, mặt khác, cũng bảy bài còn lại, nếu “bảo là đút thi mỗi bài liền”, tức mỗi bài đều có tính tương đối độc lập nên ta vẫn có thể và thực tế đã có nhiều người phân tích nó như một chỉnh thể.

Cũng như với nhiều bài thơ Đường nổi tiếng khác, chỉ có thể lí giải được đúng bài Cảm xúc mùa thu số 1 nếu chia tác phẩm thành hai phần : nửa trên, về cơ bản tả cảnh tho ở Quỳnh Châu và nửa dưới, về cơ bản tả tình — cảm xúc của nhà thơ trước cảnh thu ở Quỳnh Châu.

Ở cặp câu thứ nhất (tức “liên thứ nhất”, “liên đầu”, ta quen gọi là hai câu đề), bản dịch thơ đã tái hiện được cảnh thu buồn bã song trong nguyên bản, không khí còn thấm đậm hơn nhiều. Ở câu thứ nhất, sương móc không phải “sa lác đác” mà hẳn là dày đặc mới có thể làm tiêu điều, thương tổn (điều thương) được cả rừng phong ; rừng phong không phải là danh từ làm trạng ngữ chỉ nơi chốn mà là đối tượng bị sương móc vùi dập một cách tàn nhẫn.

Ở câu thứ hai của bản dịch, chữ “loà” cùng với từ “hiu hắt” chỉ phần nào lột được thần thái của hai chữ tiêu sâm (tối tăm, ảm đạm) trong nguyên bản; chữ “ngàn non” thay thế cho hai danh từ riêng khiến cho bản dịch dễ hiểu song lại làm mờ nhạt bản sắc của phong cảnh vùng Quỳnh Châu. Hãy đọc đoạn sau đây trong thiên Sông ngòi ở cuốn Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên thời Lục triều: “Suốt cả vùng Tam Giác (Vu Giáp, Cù Đường Giáp, Tây Lăng Giáp) dài bảy trăm dặm, núi liên tiếp đôi bờ, tuyệt không có một chỗ trống.

Vách đá điệp trùng che khuất cả bầu trời, chẳng thấy cả ánh nắng mặt trời lẫn ánh sáng trắng... Mỗi khi trời vừa tạnh, trong sáng sớm sương mù, nơi rừng lạnh khe vắng thường có vườn ở trên cao hú dài, tiếng thê thảm dị thường, hàng trống truyền âm thanh bi ai mãi chẳng dứt. Cho nên những người đánh cá có câu ca rằng : “Ba đồng Tam Giáp Vu Giáp trường – Viên minh tam thanh lệ triêm thường” (Ba

kẽm ở phía đông đất Ba Thục thì kẽm Vu là dài nhất, Vượn kêu ba tiếng đã làm cho lệ rơi đầm áo xiêm)”.
 Bình thường, cả lúc trời tạnh, cảnh Vu Giáp đã tối tăm ảm đạm ; chiều thu, hẳn càng tối tăm ảm đạm ; qua lăng kính nhà thơ, lại tối tăm ảm đạm bội phần ! Nếu ở câu thứ nhất còn có chút ánh sáng, còn có sự tương phản màu sắc trắng – đỏ giữa sương móc chiều thu và cánh rừng phong bạt ngàn thì đến đây, tất cả dường như chìm trong âm u... Hai câu thơ tiếp theo (tức “liên thứ hai”, “liên cảm”, ta quen gọi là hai câu thực), mới đọc qua, tưởng như mở ra một viễn cảnh thoáng đẽng hơn:

*Lung trời sóng gợn lòng sông thẳm,
 Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*

Quả ở đây, ngoài không khí âm u còn có cảnh sắc hùng vĩ. Hùng vĩ vốn là một trong những nét tiêu biểu của cảnh sông núi Quỳ Châu, mặt khác, cũng phản ánh một nét trong tâm hồn cao quý của Đỗ Phủ : dẫu đau buồn tột độ, nhà thơ vẫn còn ủ ấp tráng chí. Tuy vẫn được vẽ bởi ngòi bút chấm phá quen thuộc của thơ Đường song thiên nhiên ở đây tuyệt không phải là những đường tiết tụn mồn, yếu ớt mà là rộng mở, rần rỏi, tạo nên một bức tranh toàn cảnh hoành tráng.

Tuy nhiên, đọc kĩ, sẽ thấy ngay ở đây, nét bi thảm vẫn lẩn át mặt hoành tráng. Hãy tưởng tượng xem, phần không gian dành lại cho con người đã bị dồn ép tới mức nào, ngột ngạt và bất an đến dường nào giữa những làn sóng vọt tận lưng trời và những làn mây sa sầm giáp mặt đất ! Các chữ “rợn” và “đùn” ở bản dịch đã truyền đạt thành công không khí hãi hùng của khung cảnh song vẫn khó thể hiện được trọn vẹn ý nghĩa của nguyên tác, làm cho người đọc cảm nhận như sóng và mây vận động cùng chiều trong khi chúng vận động ngược chiều (“đùn” chỉ là bị đẩy từ trong ra hay từ dưới lên).

Cũng như ở nửa trên bài Lên cao, trọng điểm ở bốn câu đầu bài cảm xúc mùa thu số 1 là tả cảnh song trong cảnh đã thoáng lộ tình, tình buồn (qua hình ảnh sương móc trắng xóa, rừng phòng úa tàn, khí thu mù mịt) nhưng xao động, dữ dội (qua hình ảnh đất trời chao đảo, sóng tung toé, mây vùn vụt).

Hai câu thứ năm và thứ sáu (tức “liên thứ ba”, “liên cổ”, ta thường quen gọi là hai câu luận) được xem là tiêu biểu cho tinh thần của Cảm xúc mùa thu số 1 và ba chữ “cổ viên tâm” (ở câu 6) lại được coi là “mắt rồng”, tức nơi tập trung linh hồn của cả chùm thơ Cảm xúc mùa thu.

“Cổ viên tâm” (nỗi lòng quê cũ) trước hết là chỉ “nỗi nhớ Lạc Dương (Hà Nam)”, quê quán của Đỗ Phủ, cũng là một trong những thành phố phồn hoa nhất ở thời Đường. Đặt trong văn cảnh, nó còn chỉ “nỗi nhớ Trường An, kinh đô nhà Đường” và rộng hơn nữa, còn là một biểu hiện của tình yêu quê hương đất nước.

Trong bảy bài Cảm xúc mùa thu tiếp theo, nhà thơ chỉ nói đến nỗi nhớ Trường An, Trường An những ngày còn thái bình thịnh trị, lúc Đỗ Phủ còn là quan chức của triều đình cũng như Trường An đương thời, nơi đang “thay đổi luôn luôn như một cuộc cờ”, nơi đang diễn ra những cuộc tranh chấp giành giật quyền bính giữa các thế lực phong kiến quân phiệt có sự can thiệp của các thế lực ngoại tộc.

Hai câu thơ này cũng được xem là danh cú (câu thơ, câu văn nổi tiếng) xét về mặt tiêu biểu cho thi pháp thơ Đường. Ở đây, tác giả đã đồng nhất nhiều sự vật và hiện tượng: tình và cảnh (nhìn hoa cúc nở mà trông như xoè ra những cánh hoa bằng nước mắt), hiện tại và quá khứ (giọt lệ hiện tại cũng là giọt lệ của quá khứ gần – hai năm qua, kể từ ngày rời Thành Đô – và quá khứ xa), sự vật và con người (dây buộc thuyền cũng là dây thắt lòng người lại).

Đáng nói hơn là những sự đồng nhất có vẻ phi lí ấy lại có một cội nguồn hiện thực sâu xa. Trong chiến loạn An – Sử, không chỉ con người bị huỷ diệt (trong tám năm, dân số Trung Quốc chỉ còn một phần ba) mà thiên nhiên cũng bị tàn phá. Hình ảnh “hoa nhỏ lệ” không phải chỉ xuất hiện một lần trong thơ Đỗ Phủ. Chữ tha nhật (trong nguyên tác) được một số người hiểu là chỉ ngày sau, những ngày sắp tới song hầu hết đều cho là chỉ ngày trước, những ngày đã qua.

Trước cảnh thu buồn, hồi ức về những nỗi đau trong quá khứ đã tập kết về thời điểm hiện tại và đọng lại trên những nhành hoa. Bởi vậy, câu thơ dịch “Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ” của Nguyễn Công Trứ là rất đạt. Lệ của nhà thơ rơi trong hai năm qua chỉ là sự lặp lại, chồng lên những dòng lệ cũ. Trước chiến loạn An – Sử, nhà thơ nghèo khổ đã từng rơi lệ khi đưa con trai “yêu nhất đời” bị chết đói giữa mùa gặt hái!

Chiếc thuyền lẻ loi (cô chu) là một ẩn dụ đích đáng không chỉ vì tính chất trôi nổi, đơn độc của nó mà còn vì nó là phương tiện duy nhất mà nhà thơ gửi gắm vào đó ước vọng về quê, là địa chỉ trú ngụ đích thực, là chiếc “nhà nổi” của Đỗ Phủ trên con đường chuyển dịch về phía đông để kiếm cơ hội hồi hương.

Ở liên thứ tư (tức “liên đuôi”, ta quen gọi là hai câu kết), tác giả đã kết thúc bài thơ một cách bất ngờ. Nhà thơ không bộc lộ trực tiếp cảm xúc chủ quan như thường lệ mà lại quay về tả những cảnh thực ngoài đời: không khí tập nập của mọi người nô nức may áo rét (câu 7) và giặt giũ áo cũ (câu 8) để chuẩn bị cho mùa đông đang tới gần. Trong thơ cổ Trung Hoa, tiếng chày đập vải, nhất là về chiều và đêm, là một loại âm thanh đặc biệt có sức gợi cảm rất lớn, chúng không làm cho những người khách xa xứ vui lây mà chỉ càng thêm não lòng.

Cũng giống như ở cuối bài Lên cao (Đăng cao), cuối bài Cảm xúc mùa thu số 1, tác giả đã dùng phương thức tả pha kể để biểu cảm nên đằng sau những câu thơ

tương như lạnh lùng bình thản là cả một nỗi lòng đau thương quần quai. Biểu hiện cảm xúc trước cảnh thu là một đề tài muôn thuở của thơ ca. Cảm xúc mùa thu số 1 là một tác phẩm độc đáo, tiêu biểu cho thành tựu nghệ thuật của Đỗ Phủ ở giai đoạn cuối đời.

Qua đây, ta không chỉ thấy hình ảnh cụ thể của một chiều thu ở Quỳ Châu mà còn thấy cả tình cảnh, nỗi lòng của một con người cụ thể sống trong hoàn cảnh ấy. Chiến tranh phong kiến liên miên và sự tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến ở giai đoạn cuối Thịnh Đường đã đẩy con người ấy, vốn là một ông quan của triều đình, về tận góc trời xa thẳm và con người ấy, ngày đêm chỉ còn ôm ấp một hi vọng mong manh là được trở về quê cũ.

Hắn ước mơ của Đỗ Phủ cũng là ước mơ của bao người dân nghèo khổ lưu vong ở thời Đường. Bởi vậy, bài thơ tuy không miêu tả trực tiếp tình hình xã hội, vẫn chan chứa tình đời và có giá trị hiện thực sâu sắc.

Phân tích Cảm xúc mùa thu của Đỗ Phủ - Mẫu 6

Thu hứng (bài số 1) của Đỗ Phủ là một bài thơ tiêu biểu, hết sức thâm thúy, hàm súc, kín đáo. Trong bài thơ tâm và cảnh, thi và họa, động và tĩnh, trộn lẫn, lăm lăm khó lòng phân biệt.

Có thể tạm chia bài thơ làm hai phần với bốn câu đầu là cảnh thu và bốn câu sau là nỗi lòng nhà thơ. Cách phân chia như vậy phù hợp về logic hình thức nhưng chưa thực xâm nhập vào chiều sâu quan hệ biện chứng giữa hai phần của bài thơ. Chúng ta biết rằng đặc trưng của thơ cổ nói chung, thơ Đường nói riêng là cái nhìn đồng nhất con người và vũ trụ (“Thiên nhân tương đồng”). Cái “tôi” (tiểu ngã) chỉ là một phần của cái “ta” vũ trụ (đại ngã). Do đó, các nhà thơ cổ nói “cảnh” cũng là để nói “tâm”, nói “tâm” thường thông qua vẽ “cảnh”. Các nhà thơ Trung Hoa xưa

thường nhắc đến mối quan hệ này. Đó là “Tâm nhập vào cảnh” (Vương Xương Linh) “Lòng nhập vào cảnh” “Tình dĩ cảnh hội” (Yên Hoàng Đạo) “Tình bất gặp cảnh”, “Cảnh dĩ tình hợp”, “Tình dĩ cảnh sinh” (Vương Phu Phi).

Ngay bốn câu đầu, qua những nét bút chấm phá về cảnh đã toát lên góc nhìn đầy tâm trạng của nhà thơ. Chỉ có điều, cảnh ở đây dường như được vẽ ra bằng những nét bút có phần rõ ràng, “khách quan” hơn so với bốn câu thơ sau. Bài thơ có thời gian: mùa thu; có (địa điểm: Vu Sơn, Vu Giáp (thuộc thượng sông Trường Giang, vùng Quý Châu thuộc tỉnh Tứ Xuyên). Cảnh ở đây cũng có phần được cá biệt hóa với màu sắc hùng vĩ, độc đáo: núi non hiểm trở, sóng bọt lung trời, mây sa mặt đất. Cảnh vật hiện lên dần như trên một đoạn phim lướt vội. Ống kính bắt đầu từ rừng phong tiêu điều với sương móc trắng xóa (Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm), (chữ “lác đác” trong bài dịch chưa thật sát với nghĩa nguyên tác), đến cảnh núi Vũ và kèn vu hieu hát, dần đến những đợt sóng bọt lên lưng trời giữa dòng sông rồi đứng lại ở những đám mây sa sầm giập mặt đất nơi cửa ải. Bốn câu thơ cũng làm ta nhớ đến những bức tranh thủy mặc với lối vẽ chấm phá tài tình. Cảnh vật hiện lên trong cái “thần”, cái “hồn” của nó. Nhưng sau bức tranh kia đã ẩn giấu bao nhiêu tâm trạng. Tâm trạng ấy trước hết thể hiện ở sự lựa chọn cảnh vật. Nhà thơ xưa không đặt nhiệm vụ khám phá đối tượng mình quan sát (dù bên trong hay bên ngoài) mà chỉ là sắp xếp, tía tót nó cho phù hợp với sự cảm nhận duy lí. Thơ cổ không phân biệt rạch ròi chủ thể và khách thể. Ngay nét chấm phá đầu tiên “Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm” đã mở ra hướng lựa chọn. Cảnh tượng móc trắng xóa làm tiêu điều cả rừng phong làm ta nhớ đến những rừng phong, cây phong khác trong thơ cổ. Cây phong trong thơ Đường như gắn với nỗi buồn, với chia li. Trong Tì bà hành (Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu), trong Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng có “Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san” đìu hiu hát trong mắt nàng Kiều.

Những nét vẽ cảnh tiếp theo dường như càng tô đậm thêm cái nét hoang vắng, hiu hắt, buồn bã trong tâm hồn nhà thơ. Đành rằng cảnh vật ở đây cũng có nét hùng vĩ những nét hùng vĩ không lẫn át được vẻ buồn, tàn tạ, không làm tan cái buồn, hiu hắt tràn từ núi đến rừng.

Hai câu tiếp theo đối nhau về ý và lời, tạo nên cảnh đối nghịch trong bức tranh “Giang gian ba lãng kiêu thiên dững - Tái thượng phong vân tiếp địa âm” (Lung trời sóng gợn lòng sông thắm - Mặt đất mây đùn cửa ải xa) cho ta những ấn tượng trái ngược: Cảnh vừa dữ dội, hoành tráng lại vừa bức bối, bị vây hãm không thoát ra được. Đúng là bức “tâm cảnh” trong con mắt một kẻ xa quê, nhớ quê, lòng buồn trĩu nặng, đồng thời cũng bức rút, bức bối, không yên khi nhìn về quê nhà và trông ra thế sự. Kim Thánh Thán thật có lí khi bình rằng: “ngước mắt nhìn sông chỉ thấy sóng vọt ngất trời, mà đắm đắm trông lên ai, chỉ thấy gió mây mịt mờ liền đất. Thực đúng đau tức, bi thương, khiến cho người ta lòng hết khí tuyệt”.

Bốn câu sau, tác giả tiếp tục phát triển cảm xúc của mình. Ở đây thể hiện nỗi lòng trực tiếp hơn, cụ thể hơn nhưng vẫn thâm trầm, kín đáo. Cái nhìn duy lí đã trừu tượng hóa những sự vật cụ thể. Tác giả nói đến hoa cúc, đến con thuyền nhưng chúng là “tâm” hay là “cảnh”, thật lòng lòng phân biệt. “Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ” (Khóm cúc nở hoa hai lần: những giọt lệ ngày trước) và “Cô chu nhất hệ cố viên tâm” (Con thuyền lẻ loi buộc chặt tấm lòng nhớ vườn cũ), ở đây lời ít ý nhiều, không rõ hoa cúc nhỏ lệ hay thi nhân nhỏ lệ bên khóm cúc, không hiểu dây buộc thuyền hay dây thắt lòng người. Hồ Sĩ Hiệp cho rằng những câu thơ này có thể hiểu theo hai cách: “Cúc đã nở hoa hai lần và đã hai lần làm chảy dòng lệ cũ” hoặc có thể hiểu “Nhìn cúc nở mà tưởng như cúc đã nhỏ lệ”. Dù hiểu cách nào thì cũng thấy rằng ở đây “cảnh” đã nhòa vào “tâm”, đã “hội” vào “tâm”. Tác giả đã đồng nhất: tình và cảnh, hiện tại và quá khứ (giọt lệ hiện tại cũng là giọt lệ quá khứ), sự vật và con người (sợi dây cụ thể và sợi dây lòng). So sánh với hoàn cảnh

nhà thơ có thể' hiểu Đỗ Phủ từ khi rời thành đô đến Quý Châu đã được hai năm, trải qua hai mùa thu. Dòng "lệ cũ" của nhà thơ không chỉ "tuôn" ra một lần mà đã nhiều lần rồi. Và đúng như có người nhận xét trong thơ ông già Thiệu Lăng đã lão hóa chôn thanh khóc, cảm thời hoa tiền lệ...

Hai câu thơ kết của bài thơ này thật độc đáo, mở ra nhiều ý nghĩa. Trong thơ Đường, hai câu kết thường là tỏ lòng, nêu trực tiếp cảm xúc nhưng đây tác giả lại hướng nói về cảnh khách quan bên ngoài. Nhưng ở đoạn đầu, cảnh khách quan là "tĩnh" thì ở đây lại "động". Cảnh rộn ràng hơn trong không khí "rộn ràng dao thước để may áo rét" và âm thanh tiếng chày đập áo dồn dập về chiều trên thành Bạch Đế. Nhịp thơ dường như cũng nhanh hơn, gấp hơn. Thế nhưng, đó chỉ là ngoại cảnh, tấm lòng nhà thơ thì chưa chắc đã có đổi thay. Bởi góc nhìn của nhà thơ vẫn là cái nhìn trong ánh chiều hắt hiu. Tiếng đập áo buổi chiều trên thành Bạch cao ấy (Thành Bạch chày vang bóng ác tà) dễ đưa người ta đến những liên tưởng buồn. Nó dường như cùng hòa vào "gam" nhạc buồn của tiếng đập áo đêm trắng của người chinh phụ nhớ chồng trong Đảo y thiên của Lí Bạch (Chiếc áo đêm trường đập bóng trắng), hay tiếng chày đập áo của người phụ nữ trong mùa thu trong thơ Bạch Cư Dị (Thu đến nhớ chồng đập lụa, gió trăng nã lấm đá chày oi) Tiếng chày ấy đang báo hiệu một mùa đông đến gần, mùa đông với một (thiếu cơm, thiếu áo, không nhà, ở nhờ trên đất khách và tấm lòng thì luôn nặng trĩu nỗi lo và nỗi nhớ.

Như vậy, trên cái nền của cảnh thu với rừng thu, khí thu, hoa thu, tiếng thu, nhà thơ đã hòa vào đó tâm trạng của chủ thể trữ tình, một tâm trạng đượm buồn, da diết, sầu thương, khắc khoải trong tình quê nặng và nỗi âu lo kín đáo về thế sự.



Tham khảo thêm:

- [Văn mẫu lớp 10 Cảm nghĩ bài thơ Cảm xúc mùa thu của Đỗ Phủ](#)
- [Soạn bài Cảm xúc mùa thu Ngữ Văn 10 chi tiết](#)

Phân tích Thu hứng - Mẫu 7

Đỗ Phủ được mệnh danh là Thi Thánh, một trong những nhà thơ xuất sắc nhất trong lịch sử văn học Trung Quốc. Ông để lại sự nghiệp sáng tác đồ sộ, có giá trị, khoảng 1500 bài thơ. Cảm xúc mùa thu được trích từ chùm thơ “Thu hứng” gồm có tám bài. Cảm xúc mùa thu được đánh giá là bài thơ hay nhất, có nội dung bao quát bảy bài thơ còn lại. Tác phẩm thể hiện nỗi nhớ quê hương tha thiết, khắc khoải của tác giả.

Tác phẩm được sáng tác năm 766 trong thời điểm Trung Quốc đã chấm dứt loạn An Lộc Sơn. Loạn An Lộc Sơn đã gây ra hậu quả khủng khiếp. Triều đại nhà Đường rơi vào suy thoái. Cả nội chiến và ngoại xâm đều có nguy cơ bùng nổ. Tình

cảnh của nhân dân vô cùng khốn khổ, bản thân Đỗ Phủ cũng phải trải nghiệm sự khốn khổ, điêu linh đó.

Khi ấy Đỗ Phủ đến vùng đất Tứ Xuyên, được sự giúp đỡ của một người bạn thân làm quan nhưng sau khi bạn thân mất, ông mất chỗ dựa. Đưa gia đình về nhưng đói khổ nên bị mắc lại ở Quỳ Châu hai năm trong tình cảnh nghèo túng, bệnh tật, bết tã. Trong những năm này ông sáng tác nhiều, giọng thơ bi thiết, buồn thảm.

Lác đác rừng phong hạt móc sa,

Ngàn non hiu hắt, khí thu lò.

Câu thơ đầu đã cho độc giả thấy ba hình ảnh đặc trưng nhất của mùa thu là: rừng phong, hạt móc, nghìn thu, ba hình ảnh này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau gợi cảm giác lạnh lẽo, thê lương. Sương móc vốn là loại sương đặc trưng của mùa thu Trung Quốc, loại sương gợi nên sự giá buốt, lạnh lẽo. Nhưng trong câu thơ dịch không truyền tải được tinh thần của nguyên tác: Sương móc rơi lác đác – lác đác là tính từ cho thấy sự thưa thớt của những hạt sương rơi.

Tạo nên cảnh tượng mờ ảo, quuyền rũ. Nguyên tác phải là Sương móc trắng xóa dày đặc, giăng mắc, bao phủ khắp không gian, cảnh vật. Màu trắng không gợi ra sự tinh khôi, thanh khiết mà gợi ra sự ảm đạm và hiu hắt, lạnh lẽo. Kết hợp với làn sương trắng xóa, hiu hắt là hình ảnh rừng phong, vốn rừng phong vào mùa thu có màu đỏ, gợi nên sự ấm nóng, rục rờ. Nhưng với làn sương trắng xóa dày đặc, đã khiến cả rừng thu trở nên xơ xác, tiêu điều.

Sang đến câu thơ thứ hai, khắc họa rõ nét hơn sự ảm đạm, hiu hắt của khung cảnh thiên nhiên. Vu sơn, Vu giáp là những dãy núi chạy dài, không có một khoảng trống. Vùng núi cao ấy không bao giờ thấy ánh sáng mặt trời nên rất tăm tối, ảm đạm. Kết hợp với làn sương dày đặc càng khiến không gian thêm ảm đạm, hiu hắt

hơn. Ba hình hình kết hợp lại với nhau mang đến cho người đọc sự cảm nhận về bức tranh cảnh thu nơi đất khách: lạnh lẽo, tiêu điều, hiu hắt tăm tối.

Nếu ở hai câu đề, tác giả bao quát cảnh thu theo chiều rộng thì ở hai câu thực, tác giả bao quát cảnh thu theo chiều cao: Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng/ Tái thương phong vân tiếp địa âm. Câu thơ được tác giả sử dụng kết hợp biện pháp nghệ thuật đối và phóng đại: Sóng vọt lên tận lưng trời; Mây sà xuống giáp mặt đất. Hai sự vật thiên nhiên vận động trái chiều: vọt lên, sà xuống, các động từ đã nhấn mạnh hơn nữa vào sự vận động ngược chiều đó.

Hai sự vật vận động ngược chiều, ép sát vào nhau, khiến không gian bị ken đặc lại, bị lấp kín bởi cái mờ ảo, hoang vu của sông và mây. Bức tranh thu hiện lên hùng vĩ nhưng âm u, dữ dội, đầy ngọt ngào. Bốn câu đầu mở ra không gian nhìn từ xa: rừng phong, sông núi, cửa ải,... bốn câu sau mạch thơ có sự vận động về gần, trước mắt tác giả là hình ảnh:

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,

Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

Với ý tứ sâu xa, bản dịch thơ đã không truyền tải được hết ý nghĩa của nguyên tác. Câu thơ thứ năm mang đến nhiều cách hiểu, khi chủ thể của hoạt động nước mắt tuôn rơi đều bị ẩn đi. Câu thơ có thể hiểu nước mắt tuôn rơi là của khóm cúc vì những cánh hoa nở ra đều mang hình giọt lệ, khóm cúc nở hoa cũng là khóm cúc đang tuôn rơi những giọt lệ. Nhưng cũng có thể hiểu chủ thể của nước mắt là thi nhân. Cứ mỗi lần nhìn khóm cúc nở hoa là một lần nhận ra thời gian chảy trôi, mà mình thì bị buộc ở đây mãi, càng chạnh lòng, lại thức dậy nỗi nhớ quê trong bất lực.

Dù hiểu theo cách nào câu thơ chất chứa nỗi buồn đau của tác giả mỗi khi hoa cúc nở. Khóm cúc nở hoa đã hai lần nhấn mạnh vào con số, hai năm – khoảng thời gian gia đình tác giả lưu lạc và mắc lại ở mảnh đất Quỳ Châu. “Lưỡng khai” còn là con số ước lệ - số nhiều – gợi ra nỗi đau triền miên và dai dẳng. Không chỉ năm nay hoa cúc nở mới làm thức dậy nỗi đau mà nỗi đau ấy từ năm ngoái, cho thấy nỗi đau triền miên, dai dẳng, thường trực từ rất lâu. Nỗi đau trong bế tắc – nỗi đau thời thế, nỗi nhớ quê hương mà không thể nào có thể trở về quê hương.

Cảnh ngộ lẻ loi của tác giả thể hiện rõ ràng hơn trong hình ảnh “cô chu” – hình ảnh con thuyền cô đơn, lẻ loi. Đồng thời gợi ra cảnh ngộ cô đơn, lẻ loi, trôi nổi nơi đất khách của tác giả. Câu thơ trước hết là hình ảnh thực: con thuyền chở gia đình nhà thơ về quê đã bị mắc lại ở Quỳ Châu. Đằng sau nghĩa thực là một hàm ý: gửi gắm nỗi nhớ quê buộc chặt trên con thuyền lẻ loi nơi đất khách. Chữ “buộc” trở thành nhãn tự của câu thơ, vừa là sợi dây buộc con thuyền, vừa là sợi dây thắt lòng người.

*Hàn y xú xú thối đao xích,
Bạch Đé thành cao cấp mộ chiêm.*

Trong nỗi nhớ quê hương da diết ấy, cảnh rộn ràng tiếng dao thước may áo rét, tiếng chày đập áo dòn dập càng cho thấy rõ hơn nỗi niềm của kẻ xa quê phải tha hương nơi đất khách quê người. Nhưng bên cạnh đó hình ảnh ấy còn cho thấy nỗi lo lắng vì đất nước vẫn chưa được yên bình.

Với ngôn từ hàm súc, cô đọng, bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, Đỗ Phủ đã tái hiện bức tranh thu xơ xác, tiêu điều, lạnh lẽo. Đằng sau bức tranh ấy còn gửi gắm tâm trạng bài thơ: nỗi lo cho đất nước, nỗi nhớ quê hương và nỗi xót xa cho thân phận của chính mình.